|  |  |
| --- | --- |
| CHÍNH PHỦ\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| Số: 446/TTr-CP |  Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2024 |

**TỜ TRÌNH TÓM TẮT**

**Quyết định chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia**

**về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035**

Kính gửi: Quốc hội khóa XV

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 07/3/2023 của Chính phủ tại Phiên họp thường kỳ tháng 2 năm 2023 và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2024 của Chính phủ về thông qua Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 13/9/2024 của Chính phủ về thông qua Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.

Chính phủ trình Quốc hội xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 (gọi tắt là Chương trình), với các nội dung chính như sau:

**A. THÔNG TIN CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

**I. TÊN CHƯƠNG TRÌNH:** Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.

II. CHỦ CHƯƠNG TRÌNH: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

III. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

1. Người dân, cộng đồng dân cư tại các vùng miền của Tổ quốc, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Đội ngũ văn nghệ sỹ, trí thức, nhân lực quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, đoàn thể, cá nhân hoạt động trực tiếp trong hoặc liên quan đến lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật, công chúng, khán giả, đặc biệt là công chúng trẻ.

3. Các di sản văn hóa thế giới, di tích quốc gia đặc biệt và di tích cấp quốc gia, các di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO, di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và một số di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu thuộc loại hình tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; Các di sản tư liệu được ghi danh vào Danh sách quốc gia, khu vực và thế giới; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

4. Các thiết chế văn hóa, không gian văn hóa, sáng tạo; không gian văn hóa công cộng; đội tuyên truyền lưu động; các đồn biên phòng; các cơ sở, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em; các cơ sở giáo dục, đào tạo lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

**IV. ĐỊA ĐIỂM, PHẠM VI, QUY MÔ:**

1. Phạm vi:

- Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước và tại một số quốc gia có mối quan hệ văn hoá lâu dài, tương tác văn hoá lâu dài với Việt Nam, có đông đảo người Việt Nam sinh sống, lao động, học tập. Trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình để đầu tư cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm theo nhóm mục tiêu đã được xác định.

- Chương trình tập trung vào các hoạt động thuộc các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật cụ thể gồm: di sản văn hóa; văn hóa cơ sở; nghệ thuật biểu diễn (âm nhạc, sân khấu, múa...); văn học; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; điện ảnh; thư viện; giáo dục văn hóa; đào tạo; văn hóa dân tộc (văn nghệ dân gian, văn nghệ các dân tộc thiểu số,…); văn hóa đối ngoại; công nghiệp văn hóa…

2. Quy mô

Chương trình thực hiện với quy mô cả nước, bao gồm tất cả các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, cấp thôn trên phạm vi cả nước; một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài.

**V. TỔNG VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:**

Chương trình xác định nhu cầu vốn ngân sách Trung ương (NSTW) hỗ trợ thực hiện Chương trình căn cứ: (i) định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn 2021-2030 tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030; (ii) mục tiêu “phấn đấu tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm” theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; (iii) đề xuất của các Bộ, cơ quan Trung ương và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về nhu cầu nguồn vốn NSTW hỗ trợ trong tổng nguồn lực dự kiến huy động thực hiện Chương trình; (iv) báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình; (v) các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình; (vi) kết quả rà soát sự trùng lặp nội dung, đối tượng hỗ trợ của Chương trình với các Chương trình, Đề án đầu tư khác cho văn hóa.

1. Tổng các nguồn lực huy động để thực hiện Chương trình giai đoạn 2025-2030 dự kiến là 122.250 tỷ đồng, gồm:

- Vốn NSTW hỗ trợ trực tiếp để thực hiện Chương trình giai đoạn 2025-2030 được bố trí tối thiểu 77.000 tỷ đồng (chiếm 63%), bao gồm: (a) Vốn đầu tư phát triển: 50.000 tỷ đồng; (b) Vốn sự nghiệp: 27.000 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách địa phương (NSĐP): khoảng 30.250 tỷ đồng (chiếm 24,6%); bao gồm (a) Vốn đầu tư phát triển: 18.000 tỷ đồng; (b) Vốn sự nghiệp: 12.250 tỷ đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác: khoảng 15.000 tỷ đồng (chiếm 12,4%).

2. Dự kiến tổng các nguồn lực huy động để thực hiện Chương trình giai đoạn 2031-2035 là 134.000 tỷ đồng.

 **Kế hoạch bố trí và tiến độ nguồn vốn giai đoạn 2025-2030**

 *Đơn vị: tỷ đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm** | **Tổng cộng** | **NSTW** | **NSĐP** | **Nguồn vốn khác** |
| **Giai đoạn 2025-2030** | **122.250** | **77.000** | **30.250** | **15.000** |
| 1 | Năm 2025 | 400 | 150 | 250 | 0 |
| 2 | GĐ 2026-2030 | 121.850 | 76.850 | 30.000 | 15.000 |
| *2.1* | *Năm 2026* | *18.350* | *11.550* | *4.500* | *2.300* |
| *2.2* | *Năm 2027* | *22.100* | *14.000* | *5.400* | *2.700* |
| *2.3* | *Năm 2028* | *36.500* | *23.000* | *9.000* | *4.500* |
| *2.4* | *Năm 2029* | *20.500* | *12.900* | *5.100* | *2.500* |
| *2.5* | *Năm 2030* | *24.400* | *15.400* | *6.000* | *3.000* |

Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn NSTW: Căn cứ tổng kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2025-2030 được Quốc hội phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ đối ứng vốn NSĐP thực hiện Chương trình giai đoạn 2025-2030, để hướng dẫn các địa phương và Bộ, cơ quan Trung ương thực hiện; quy định rõ nguyên tắc xác định nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư, vốn sự nghiệp, cơ cấu nguồn vốn NSTW, không trùng lặp với các hoạt động thường xuyên đã được đảm bảo từ nguồn kinh phí khác

Cơ chế phân bổ vốn NSTW: NSTW hỗ trợ tổng mức vốn cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương thực hiện theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Căn cứ tổng mức vốn NSTW hỗ trợ, cùng với nguồn vốn NSĐP, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động với các Chương trình MTQG khác. Tổng vốn NSTW phân bổ trong giai đoạn 2025-2030 phải đảm bảo bố trí đủ theo định mức cụ thể do Trung ương quy định.

Cơ chế hỗ trợ NSTW cho NSĐP: NSTW ưu tiên hỗ trợ các tỉnh nhận bổ sung cân đối từ NSTW, đặc biệt các tỉnh miền núi phía Bắc, các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh còn lại nhận bổ sung cân đối từ NSTW từ 60% trở lên. Đối với các địa phương có điều tiết về NSTW, chỉ hỗ trợ vốn từ NSTW cho một số nhiệm vụ cụ thể theo nguyên tắc, tiêu chí được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

**VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN:**

Thời gian thực hiện Chương trình trong 11 năm, từ năm 2025 đến năm 2035, chia làm các giai đoạn:

+ Năm 2025: thực hiện các hoạt động xây dựng cơ chế chính sách, hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, hệ thống giám sát, đánh giá; bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ quản lý Chương trình; chuẩn bị đầu tư các nhiệm vụ và các nội dung quản lý khác.

+ Giai đoạn 2026-2030: tập trung giải quyết các vấn đề hạn chế, thách thức đặt ra trong thời gian qua; triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra đến 2030.

+ Giai đoạn 2031-2035: tiếp tục xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh, động lực để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra đến 2035.

VII. CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN:

Hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở và toàn xã hội, trong đó chủ thể là nhân dân, lực lượng văn nghệ sỹ, trí thức, người thực hành văn hóa tại các cộng đồng địa phương.

**VIII. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

1. Mục tiêu tổng quát: ***gồm 07 mục tiêu tổng quát***: (1) Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện trong phát triển văn hóa và xây dựng, hoàn thiện nhân cách, chuẩn mực đạo đức, bản sắc, bản lĩnh, hệ giá trị con người, gia đình Việt Nam; (2) Nâng cao đời sống tinh thần, khả năng tiếp cận, thụ hưởng văn hóa, nhu cầu tập luyện, giải trí của nhân dân, thu hẹp sự chênh lệch trong thụ hưởng văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư, giới tính từ đó nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc; (3) Huy động sự tham gia của mọi tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong việc quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc; (4) Huy động nguồn lực, tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, chất lượng, hiệu quả cho phát triển văn hóa, đóng góp trực tiếp vào phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân; (5) Xây dựng nguồn nhân lực văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp, chất lượng cao, có bản lĩnh chính trị phục vụ nhu cầu trong nước và hướng đến đáp ứng các thị trường nước ngoài; (6) Phát huy tính dân tộc, tính khoa học, tính đại chúng của văn hóa thông qua đầu tư để bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, với nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức, văn nghệ sỹ đóng vai trò quan trọng; (7) Hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể:

*Đến năm 2030 đạt 09 nhóm mục tiêu cụ thể sau*: (1) Hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người, hệ giá trị gia đình Việt Nam được triển khai thực hiện trên cả nước thông qua các bộ quy tắc ứng xử; (2) Phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 03 loại hình thiết chế văn hóa cấp tỉnh (Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Bảo tàng, Thư viện), 80% các đơn vị hành chính cấp huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn, đảm bảo vận hành hiệu quả các thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã, thôn; (3) Phấn đấu 95% di tích quốc gia đặc biệt (tương đương khoảng 127 di tích) và 70% di tích quốc gia (tương đương khoảng 2.542 di tích) được tu bổ, tôn tạo; (4) Phấn đấu các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp vào 7% GDP của cả nước; (5) Phấn đấu 100% các đơn vị thực hiện hoạt động văn hóa, nghệ thuật thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; (6) 100% học sinh, học viên, sinh viên trong hệ thống giáo dục quốc dân được tiếp cận, tham gia hiệu quả, thường xuyên các hoạt động giáo dục nghệ thuật, giáo dục di sản văn hóa; (7) 90% văn nghệ sỹ tài năng, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn; (8) Các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật, điện ảnh, lý luận phê bình văn học, nghệ thuật xuất sắc, chất lượng cao được hỗ trợ sáng tác, công bố, phổ biến; (9) Hàng năm, có ít nhất 05 sự kiện quốc tế lớn về văn hóa, nghệ thuật tại nước ngoài có sự tham gia chính thức của Việt Nam.

*Đến năm 2035 đạt 09 nhóm mục tiêu cụ thể sau*: (1) Phấn đấu 90% các địa phương đưa nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới vào hương ước, quy ước của dòng họ, cộng đồng, làng xã; (2) 100% thư viện trong mạng lưới thư viện đáp ứng điều kiện thành lập và bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Thư viện; (3) Phấn đấu hoàn thành việc tu bổ, tôn tạo 100% di tích quốc gia đặc biệt và ít nhất 80% di tích quốc gia; (4) Phấn đấu các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 8% vào GDP của cả nước; (5) Hoàn thiện Thư viện số quốc gia, xây dựng thư viện thông minh, mở rộng kết nối, tích hợp dữ liệu với các thư viện trong mạng lưới thư viện Việt Nam và quốc tế; (6) 85% cơ sở giáo dục trên toàn quốc có đủ hệ thống phòng học cho các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật; (7) 100% văn nghệ sỹ tài năng, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được tiếp cận, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn; (8) Hàng năm có từ 10-15 tác phẩm, công trình văn hóa, nghệ thuật tầm quốc gia về lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước; (9) Hàng năm, có ít nhất 04-06 sự kiện quốc tế lớn về văn hóa nghệ thuật tại nước ngoài có sự tham gia chính thức của Việt Nam.

IX. **NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

Nội dung thành phần của Chương trình bám sát nội dung kết luận chỉ đạo của Tổng Bí thư tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021 về sáu (06) nhiệm vụ, bốn (04) giải pháp để xây dựng và phát triển văn hóa; Kết luận của Chủ tịch Quốc hội về chín (09) nhóm chính sách và bảy (07) nhiệm vụ phát triển văn hóa tại Hội thảo về cơ chế chính sách, nguồn lực phát triển Văn hóa năm 2022. Theo đó, Chương trình được thiết kế gồm 10 nội dung thành phần, gồm:

**1. Phát triển con người Việt Nam có nhân cách, lối sống tốt đẹp**

1.1. Xây dựng hệ giá trị đạo đức, chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới

1.2. Thúc đẩy quyền, nghĩa vụ, văn hóa sống và làm việc theo pháp luật

1.3. Phát triển thể lực, tầm vóc và kỹ năng sống cho con người Việt Nam

1.4. Phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới

**2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả**

2.1. Phát triển hệ thống hạ tầng, thiết chế văn hóa, nghệ thuật chất lượng cao, hướng đến đẳng cấp quốc tế

2.2. Nâng cao năng lực vận hành, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở

2.3. Thúc đẩy vai trò của trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực văn hóa cơ sở, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tuân thủ pháp luật

2.4. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, phát huy giá trị văn hóa truyền thống

2.5. Hỗ trợ phát triển văn hóa đọc gắn với các thiết chế thư viện

2.6. Phát triển hệ thống không gian văn hóa công cộng nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo, giáo dục thẩm mỹ của người dân, đặc biệt là giới trẻ

2.7. Xây dựng, phát huy hiệu quả thiết chế văn hóa trong hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống bệnh viện

**3. Nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền và giáo dục văn hóa**

3.1. Phát huy vai trò của cơ quan truyền thông, báo chí, hệ thống thông tin cơ sở nhằm quảng bá, tăng cường thông tin đối ngoại, lan tỏa giá trị văn hóa tốt đẹp, phản bác, đấu tranh với các thông tin sai trái, thù địch, xấu độc

3.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật, di sản văn hóa

3.3. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở, đặc biệt là các địa bàn vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số

**4. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc**

4.1. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

4.2. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

4.3. Bảo tồn, phát huy giá trị di sản tư liệu, cổ vật, bảo vật quốc gia

4.4. Nâng cao năng lực và vận hành hiệu quả của hệ thống bảo tàng

4.5. Tăng cường trợ giúp pháp lý về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

**5. Thúc đẩy phát triển văn học, nghệ thuật**

5.1. Hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật

5.2. Phát triển hoạt động lý luận, phê bình, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật

5.3. Hỗ trợ cơ sở vật chất hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển văn học, nghệ thuật

5.4. Đầu tư có trọng điểm các công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao của Việt Nam

5.5. Hỗ trợ quảng bá, phổ biến tác phẩm, thành tựu văn học nghệ thuật có chất lượng cao đến đông đảo nhân dân

**6. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa**

6.1. Hỗ trợ phát triển các trung tâm công nghiệp văn hóa

6.2. Hỗ trợ phát triển thị trường cho các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam

6.3. Hỗ trợ phát triển thương hiệu, doanh nghiệp các ngành công nghiệp văn hóa có năng lực cạnh tranh cao

6.4. Nâng cao hiệu quả bảo hộ bản quyền tác giả trong việc phát triển công nghiệp văn hóa

**7. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa**

7.1. Quản lý văn hóa trên môi trường số, xây dựng văn hóa số, xã hội số

7.2. Số hóa dữ liệu, xây dựng, bảo vệ cơ sở dữ liệu văn hóa quốc gia trên môi trường số

7.3. Ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, nghiên cứu cơ bản để phát triển văn hóa và thúc đẩy thị trường văn hóa trên môi trường số

**8. Phát triển nguồn nhân lực văn hóa**

8.1. Phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa

8.2. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa

8.3. Tạo môi trường để các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội, tài năng lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được sáng tạo, cống hiến, rèn luyện phát triển tài năng

8.4. Phát triển nguồn nhân lực các ngành công nghiệp văn hóa

8.5. Nâng cao năng lực các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật

**9. Hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới**

9.1. Phát huy vai trò các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài

9.2. Quảng bá văn hóa Việt Nam tại nước ngoài thông qua các hình thức đa dạng

9.3. Tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam, hỗ trợ sáng tạo nghệ thuật thông qua giao lưu văn hóa

9.4. Phát triển văn hóa trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

**10. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình, truyền thông, tuyên truyền về Chương trình**

10.1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

10.2. Tăng cường năng lực công tác quản lý, điều phối thực hiện Chương trình các cấp, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về Chương trình

**X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình; có trách nhiệm quản lý và giám sát tổng thể về kết quả thực hiện Chương trình trên cả nước.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan và địa phương tham mưu Chính phủ (hoặc Thủ tướng Chính phủ) ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp hướng dẫn triển khai Chương trình theo quy định trình tự, thủ tục rút gọn của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan và địa phương xây dựng quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, kinh phí hỗ trợ từ NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng từ NSĐP tham gia thực hiện Chương trình từng giai đoạn 05 năm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định. Ban hành theo thẩm quyền hoặc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình, danh mục dự án đầu tư ưu tiên (nếu có).

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về các Chương trình MTQG theo quy định của Luật Đầu tư công, trình ban hành các quy định chung về quản lý các chương trình MTQG và hướng dẫn tổ chức thực hiện theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ VHTTDL, các Bộ, cơ quan Trung ương liên quan tổng hợp, đề xuất cân đối vốn đầu tư công nguồn NSTW thực hiện Chương trình từng giai đoạn 05 năm và hàng năm theo yêu cầu của Quốc hội, phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; Trên cơ sở đề xuất của Chủ chương trình, chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định, giao mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm nguồn NSTW của Chương trình.

3. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ VHTTDL, các Bộ, cơ quan Trung ương liên quan tổng hợp, đề xuất cân đối vốn sự nghiệp nguồn NSTW thực hiện Chương trình từng giai đoạn 05 năm; thông báo số kiểm tra kinh phí sự nghiệp dự toán hàng năm và hai năm tiếp theo; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền dự toán NSTW hằng năm của Chương trình trên cơ sở đề xuất của Chủ chương trình theo quy định phù hợp với yêu cầu của Quốc hội, Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương có liên quan xây dựng, ban hành hướng dẫn về quản lý và sử dụng nguồn vốn NSTW (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình.

4. Các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương được phân công chủ trì nội dung thành phần thuộc Chương trình, các Bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Chính phủ giao chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

5. Các Bộ, ngành khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Chính phủ giao phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ươngcó nhiệm vụ triển khai mục tiêu của Chương trình tại địa phương.

7. Các Học viện, Viện nghiên cứu, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam:theo chức năng nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ được giao.

8. Trân trọng đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương định hướng thực hiện các nhiệm vụ; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện giám sát, phản biện xã hội.

**B. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH**

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 07/3/2023, Chính phủ đã giao Bộ VHTTDL đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035. Về cơ bản, các ý kiến đều thống nhất với sự cần thiết đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình cùng các nội dung cơ bản của Báo cáo.

Ngày 14/8/2023, Bộ VHTTDL đã có Tờ trình số 219/TTr-BVHTTDL về việc thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình (Báo cáo ĐXCTĐT) kèm theo Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình số 218/BC-BVHTTDL. Ngày 14/9/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1060/QĐ-TTg về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước (Hội đồng) để thẩm định Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình

Ngày 20/3/2024, Hội đồng có Báo cáo số 2016/BC-HĐTĐNN kết quả thẩm định Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035. Ngày 26/3/2024, Bộ VHTTDL đã hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ. Ngày 17/4/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP thông qua Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình trên cơ sở kết quả Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ.

- Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP, Bộ trưởng Bộ VHTTDL đã thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Quốc hội khóa XV xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình (Tờ trình số 165/TTr-CP ngày 17/4/2024 kèm theo Báo cáo chủ trương đầu tư số 166/BC-CP).

- Ngày 12/5/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức cuộc họp cho ý kiến đối với Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình. Ngày 13/5/2024, Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội đã có Báo cáo thẩm tra số 2429/BC-UBVHGD15. Ngày 19/5/2024, Tổng thư ký Quốc hội đã có Thông báo số 3652/TB-TTKQH kết luận Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình.

Thực hiện Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 09/7/2024 về Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV, Bộ VHTTDL đã nghiêm túc tiếp thu, giải trình ý kiến của Quốc hội (tại 03 Báo cáo) và hoàn thiện hồ sơ Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình.

Ngày 08/8/2024, Bộ VHTTDL đã có Tờ trình số 221/TTr-BVHTTDL, Tờ trình tóm tắt số 222/TTr-BVHTTDL, Báo cáo số 220/TTr-BVHTTDL trình Chính phủ về đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình gửi Chính phủ.

+ Sau khi nhận được các phiếu ý kiến thành viên Chính phủ, Bộ VHTTDL có Báo cáo số 239/BC-BVHTTDL ngày 09/9/2024 tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên chính phủ về hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình.

- Ngày 13/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 140/NQ-CP về thông qua Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình trên cơ sở kết quả Phiếu lấy ý kiến của các thành viên Chính phủ.

- Thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP, Bộ VHTTDL đã hoàn thiện hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình. Bộ trưởng Bộ VHTTDL đã thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Quốc hội khóa XV xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình.

**C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:**

 Qua rà soát nội dung Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình đã được Hội đồng thẩm định Nhà nước thông qua và căn cứ ý kiến của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7, Chính phủ tiếp thu các nội dung Quốc hội đã thống nhất cao:

- Tên gọi của Chương trình: “Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035”.

- Không chuyển dự án số 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 vào Chương trình.

**1. Chính phủ kính đề xuất Quốc hội xem xét, quyết định:**

1.1. Về thời gian thực hiện Chương trình: Chính phủ kính đề nghị Quốc hội chấp thuận thời gian thực hiện Chương trình là 2025-2035. Cụ thể là năm 2025 chỉ tập trung xây dựng khung chính sách và chuẩn bị đầu tư; Giai đoạn thứ 1 theo kỳ trung hạn 2026-2030: tập trung giải quyết các vấn đề hạn chế, thách thức đặt ra trong thời gian qua; Giai đoạn thứ 2 theo kỳ trung hạn 2031-2035: Tiếp tục phát triển văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh, động lực để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Về thống nhất quản lý các Chương trình, dự án liên quan đến phát triển văn hóa đã được phê duyệt: Chính phủ đề nghị Quốc hội cho phép các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt được nêu tại Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (mục 4.1.b Phần I) nhưng chưa được bố trí kinh phí hoặc chưa có kế hoạch triển khai cụ thể trong giai đoạn 2026- 2030 sẽ được thực hiện thống nhất trong Chương trình này để tập trung cao nhất các nguồn lực hướng tới hiệu quả đầu tư tốt hơn và sớm đạt được mục tiêu đề ra.

1.3. Về nội dung chưa được quy định trong Luật Đầu tư công: Chính phủ xin ý kiến Quốc hội về nhiệm vụ đầu tư xây dựng một số trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài, do nội dung này nằm ngoài phạm vi quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật Đầu tư công.

**2. Chính phủ kính đề nghị:**

Quốc hội sớm xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV.

Chính phủ trình Quốc hội xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Chủ tịch Quốc hội (để b/c);- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng (để b/c);- Các Phó Chủ tịch Quốc hội (để b/c);- Văn phòng Quốc hội (15);- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục (40)- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Tổng thư ký Quốc hội;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ: KHĐT, TC, CA, XD, YT, NHNN;- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (20);- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Trợ lý các PTTg, Giúp việc PTTg Lê Thành Long,các Vụ: TH, KTTH, QHĐP, CN;- Lưu: VT, KGVX (03). | **TM. CHÍNH PHỦ****TUQ. THỦ TƯỚNG****BỘ TRƯỞNG** **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO** **VÀ DU LỊCH****(Đã ký)****Nguyễn Văn Hùng** |